

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2019

*“Về việc yêu cầu ly hôn,
tranh chấp nuôi con”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Thị Thanh Hồng

- Ông Văn Phú Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2019 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị O, sinh năm: 1989

HKTT: Ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh BR – VT.

Chở ở: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh BR – VT

Bị đơn: Ông Lê Gia T, sinh năm: 1979 (bị hạn chế khả năng nghe nói)

Người phiên dịch cho ông Lê Gia T là bà Phạm Thị Tuyết, sinh năm: 1957

Cùng trú: Ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh BR – VT

(Bà O có mặt, ông T và bà Tuyết có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lâm Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà O

và ông T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng vài tháng và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới. Bà O và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Sau khi kết hôn bà O và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 là bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng bà O và ông T tự giải quyết được. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu được nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông T thường xuyên đi nhậu và không chăm lo cho gia đình. Việc này bà O đã nhờ gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không được.

Từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà O và ông T sống ly thân không còn quan hệ gì về mọi mặt từ tình cảm cho đến kinh tế. Nay bà O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông Lê Gia T.

- *Về con chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T có 02 con chung là Lê Lâm Thủy T, sinh ngày 19/4/2011 và Lê Phúc T, sinh ngày 10/02/2014. Con chung đang ở cùng với bà O. Bà O có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Gia T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông Lê Gia T và bà Lâm Thị O chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai mai mối hay ép buộc và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn thì ông T và bà O chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, bà O cũng đã từng về nhà mẹ ruột để sống nhưng ông T và bà O đã tự dàn xếp được và vợ chồng quay lại chung sống với nhau. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông T thừa nhận giai đoạn gần đây, ông T có uống rượu vì buồn và khi uống rượu thì ông T nói bà O nhưng bà O không nghe nên ông T và bà O cãi nhau. Việc này hai bên gia đình đã hòa giải để hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng

không được. Hiện tại ông T và bà O đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mọi mặt.

Nay bà O yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T còn thương bà O, hơn nữa ông T là người có đạo mà phép đạo thì không cho ly hôn.

- *Về con chung*: ông Lê Gia T và bà Lâm Thị O có 02 con chung là Lê Lâm Thủy T, sinh ngày 19/4/2011 và Lê Phúc T, sinh ngày 10/02/2014. Con chung đang ở cùng với bà O. Ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu T cho bà O nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung*: ông Lê Gia T và bà Lâm Thị O tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: ông Lê Gia T và bà Lâm Thị O không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Ông Lê Gia T đã có đơn xin vắng mặt theo quy định nên chấp nhận.

- *Về nội dung*: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; qua xác minh tại địa phương cũng xác định vợ chồng ông T và bà O xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo sự thỏa thuận của các đương sự, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xem xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, bà O và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Gia T đã có đơn xin vắng mặt theo đúng quy định nên xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Bà Lâm Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Gia T và yêu cầu giải quyết về con chung giữa bà O và ông T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Phú Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2010 ngày 21/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định: hôn nhân của bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì bà O và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình của hai vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này cả ông T và bà O đều xác nhận, hai vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện nay, ông T và bà O đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Bà O yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T cho rằng vẫn còn thương yêu bà O và vì ông T là người có đạo mà phép đạo thì không cho ly hôn.

[4] Qua xác minh cho thấy, trong thời gian ông T và bà O chung sống tại địa phương thì ông T và bà O xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay, bà O và ông T sống ly thân không còn quan hệ gì về mọi mặt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T sinh tật rượu chè, mỗi lần uống rượu là về kiếm chuyện gây gổ với bà O. Nay bà O yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết, vì thực sự vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.

[5] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông T.

[6]. *Về con chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T có 02 con chung là Lê Lâm Thủy T, sinh ngày 19/4/2011 và Lê Phúc T, sinh ngày 10/02/2014. Bà O có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Lâm Thủy T và đồng ý giao cháu Lê Phúc T cho ông T nuôi dưỡng và ông T cũng có nguyện vọng nuôi cháu T nên thiết nghĩ giao cháu T cho bà O và giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển

toàn diện của con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà O và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về tài sản chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T thông nhất để bà O và ông T tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về nợ chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. *Về án phí*: Bà Lâm Thị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị O, bà O được ly hôn với ông Lê Gia T.

2. *Về con chung*: Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T có hai con chung là Lê Lâm Thủy T, sinh ngày 19/4/2011 và Lê Phúc T, sinh ngày 10/02/2014. Bà O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Lâm Thủy T, ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phúc T. Bà O và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bà O và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Bà Lâm Thị O và ông Lê Gia T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Bà Lâm Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007899 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lâm Thị O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR – VT;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR – VT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

